

**CHILD LABOR PARTICIPATION OF
ETHNIC MINORITY STUDENTS AND
SCHOOL SOCIAL WORK
SOLUTIONS FOR PREVENTION**

Hoang Thi Hai Yen

*Faculty of Social Works, Hanoi University
of Education, Hanoi city, Vietnam*

Corresponding author: Hoang Thi Hai Yen,
e-mail: yenhth@hnue.edu.vn

Received March 31, 2025.

Revised April 9, 2025.

Accepted April 22, 2025.

**THỰC TRẠNG THAM GIA LAO ĐỘNG
CỦA HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ
VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA LAO
ĐỘNG TRẺ EM TỪ GÓC ĐỘ TIẾP CẬN
CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC**

Hoàng Thị Hải Yến

*Khoa Công tác Xã hội, Trường Đại học
Sư phạm Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Hoàng Thị Hải Yến,
e-mail: yenhth@hnue.edu.vn

Ngày nhận bài: 31/3/2025.

Ngày sửa bài: 9/4/2025.

Ngày nhận đăng: 22/4/2025.

Abstract. Child labor remains a pressing global issue, including Vietnam, especially the situation where children both attend school and participate in illegal labor activities, affecting the comprehensive development of children and becoming child laborers while still in school. Ethnic minority students in mountainous areas with especially difficult socio-economic conditions are more likely to be involved in economic activities and face higher risks of child labor. This article will focus on the current situation of ethnic minority students in several secondary schools in Muong Te District, Lai Chau Province, identifying who participates in labor, the reasons behind their involvement, and their feelings of this experience. It also analyzes the effects of labor on their health, psychology, learning, behavior, etc. On that basis, the article proposes solutions for schools to strengthen the prevention of child labour, especially from the perspective of school-based social work.

Keywords: children, ethnic minority children, child labor participation, child labor, social work.

Tóm tắt. Thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng vẫn đang phải đối mặt với vấn đề lao động trẻ em, đặc biệt là tình trạng trẻ em vừa đi học vừa tham gia các hoạt động lao động trái quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của trẻ và phải trở thành lao động trẻ em ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Do nhiều yếu tố ảnh hưởng khác nhau, học sinh dân tộc thiểu số tại những địa bàn miền núi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn là nhóm đối tượng phải tham gia nhiều hơn các hoạt động kinh tế và có nguy cơ cao hơn trở thành lao động trẻ em ngay khi còn đang đi học. Nội dung bài viết này sẽ tập trung làm rõ thực trạng tham gia lao động của học sinh dân tộc thiểu số tại một số trường THCS của huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, đồng thời phân tích chỉ rõ lí do, cảm nhận của học sinh khi phải tham gia lao động; những ảnh hưởng từ công việc lao động đến sức khỏe, tâm lí, học tập, hành vi... của học sinh. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp giúp nhà trường tăng cường công tác phòng ngừa lao động trẻ em, đặc biệt là từ góc độ của công tác xã hội trường học.

Từ khóa: trẻ em, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em tham gia lao động, lao động trẻ em, công tác xã hội.

1. Mở đầu

Trên thế giới, khái niệm trẻ em đã được đề cập trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau như trong các tuyên bố Geneva (1924); Tuyên bố của Liên hợp Quốc về Quyền trẻ em (1959); Tuyên

ngôn thể giới về quyền con người (1968); Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (1966); Công ước Liên hợp quốc về Quyền Trẻ em (1990)...[1]. Trong pháp luật Việt Nam, tại Điều 1, Luật Trẻ em năm 2016, đã có hiệu lực từ ngày 1/6/2017 (gọi tắt là Luật Trẻ em) định nghĩa: “Trẻ em là người dưới 16 tuổi” [2].

Theo Nghị quyết của ILO về thống kê lao động trẻ em (ICLS lần thứ 18, 2008), trẻ em tham gia lao động (hay còn gọi là trẻ em đang làm việc, trẻ em tham gia các hoạt động kinh tế) đề cập đến việc trẻ em tham gia bất kỳ hoạt động nào nằm trong giới hạn sản xuất nói chung trong hệ thống tài khoản quốc gia với ít nhất 1 giờ trong giai đoạn tham chiếu [3]. Trong báo cáo khảo sát lao động trẻ em quốc gia Việt Nam (2018) cũng chỉ rõ trẻ em tham gia lao động là “những trẻ em tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làm việc ít nhất một giờ đồng hồ vào bất kỳ ngày nào trong tuần tham chiếu. Trẻ em làm các công việc nội trợ của hộ gia đình và/hoặc công việc vặt ở nhà trường thì không thuộc nhóm trẻ em tham gia lao động” [4]. Trong số trẻ em tham gia lao động, có nhóm trẻ em tham gia lao động mà không đi học hoặc chưa từng đi học; có nhóm trẻ vừa đi học vừa tham gia lao động và cũng có một bộ phận trẻ em tham gia lao động là lao động trẻ em khi công việc mà các em tham gia trái quy định pháp luật về lao động, mà hoạt động lao động đó cản trở hoặc tác động tiêu cực đến sự phát triển thể chất, trí tuệ, nhân cách và sự phát triển toàn diện của các em [5]. Lao động trẻ em là vi phạm quyền trẻ em theo luật nhân quyền quốc tế và pháp luật của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam [6]. Mặc dù vậy, thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn đang phải đối mặt với vấn đề lao động trẻ em.

Tính đến tháng 6/2021, các ước tính toàn cầu mới nhất của ILO và UNICEF chỉ ra rằng có 160 triệu trẻ em tham gia lao động trẻ em vào đầu năm 2020, chiếm gần 1/10 tổng số trẻ em trên toàn thế giới [7]. Ở Việt Nam, đã có nhiều nghiên cứu khác nhau đề cập đến thực trạng lao động trẻ em, trong đó, báo cáo của MICS đặc biệt nhấn mạnh có 6,3% trẻ em từ 5-11 tuổi và 3,2% trẻ em từ 12 – 14 tuổi vừa đi học vừa tham gia hoạt động kinh tế vượt ngưỡng thời gian; có 2,3% trẻ em vừa đi học vừa phải làm các công việc nguy hiểm [8], tức là các em vừa đi học vừa phải tham gia các công việc lao động trái quy định của pháp luật và trở thành lao động trẻ em ngay khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường. Có nhiều yếu tố dẫn đến tình trạng lao động trẻ em. Các yếu tố thuộc về gia đình trẻ được xem xét trong sự tác động đến tình trạng lao động trẻ em như: tình hình tài chính của hộ gia đình [9], [10], [11]; trình độ học vấn của cha mẹ [12], [13]; thiếu thông tin về điều kiện làm việc và các nguy cơ tiềm ẩn đối với lao động trẻ em khiến một số lượng không nhỏ các gia đình nông thôn cho trẻ em đi làm tạo thêm thu nhập cho gia đình [14], [15]... Các nghiên cứu cũng chỉ ra một số yếu tố thuộc về đặc điểm cá nhân của trẻ có ảnh hưởng đến lao động trẻ em như đặc điểm giới tính của trẻ [10], [16], [9]; độ tuổi của trẻ em [17]; trẻ hạn chế về kiến thức, kỹ năng trong học tập và lao động [14], [15]. Yếu tố ảnh hưởng từ phía cộng đồng đến lao động trẻ em cũng được đưa ra bàn luận trong một số nghiên cứu: khác biệt về điều kiện kinh tế - xã hội của các cộng đồng; nhận thức, văn hóa, truyền thống của cộng đồng [12], [13], [17], vấn đề di dân, di cư [18], [19], [20]... Thực trạng lao động trẻ em đã gây ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng đối với chính bản thân trẻ như trẻ em không được đến trường, bị thương tật, gặp những tổn thương về tâm lý và tinh thần, có nguy cơ trở thành nạn nhân của mua bán người, xâm hại...[19], đồng thời cũng gây ra những ảnh hưởng cho chính gia đình, nhà trường và xã hội.

Tuy nhiên, những kết quả này mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá thực trạng lao động trẻ em, chỉ ra nguyên nhân, hậu quả của vấn đề nói chung mà chưa tập trung phân tích làm rõ thực trạng tham gia lao động của trẻ em - học sinh dân tộc thiểu số, nguyên nhân, cảm nhận của các em khi tham gia lao động và những ảnh hưởng của công việc đến sức khỏe, tâm lý, học tập, hành vi, giao tiếp của học sinh... Trong khi đây lại là nội dung thực sự cần thiết, qua đó giúp đánh giá được bức tranh thực trạng tham gia lao động của học sinh dân tộc thiểu số khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường, đề xuất những giải pháp để nâng cao hiệu quả của công tác phòng ngừa lao động trẻ em, giảm thiểu tối đa tình trạng các em phải tham gia lao động và trở thành lao động trẻ em ngay khi còn rất nhỏ tuổi. Chính vì vậy, nội dung bài viết này sẽ tập trung làm sáng tỏ thực trạng tham gia

lao động của học sinh dân tộc thiểu số tại hai điểm trường THCS của huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, phân tích lí do và cảm nhận của học sinh khi các em phải tham gia lao động, chỉ rõ những ảnh hưởng của công việc đối với chính bản thân trẻ, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả công tác phòng ngừa lao động trẻ em trong phạm vi trường học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện khảo sát trên nhóm khách thể gồm 200 học sinh khối THCS tại hai trường THCS: Trường THCS thị trấn Mường Tè và Trường THCS Nậm Khao thuộc huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Được sự đồng ý của ban giám hiệu nhà trường, sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, học sinh tham gia khảo sát trên tinh thần tự nguyện, chủ động, tích cực. Một số đặc điểm về khách thể nghiên cứu như sau: học sinh từ đủ 11 tuổi đến dưới 13 tuổi chiếm 44,0%, học sinh từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi chiếm 56,0%; học sinh nam chiếm 46,0%, học sinh nữ chiếm 54,0%; các em chủ yếu là người dân tộc Thái, Cống, Hà Nhì, Mường, Mông chiếm 90,0%; học sinh có học lực ở mức tốt, khá chiếm 44,0%, mức đạt chiếm 25%, 2,5% là chưa đạt. Từ 200 học sinh tham gia khảo sát, nghiên cứu sẽ chỉ ra tỉ lệ học sinh vừa đi học vừa phải tham gia các công việc lao động, đặc điểm về thời gian làm việc, loại công việc, điều kiện làm việc cũng như lí do, cảm nhận của các em khi tham gia lao động, ảnh hưởng của công việc đến sức khỏe, học tập, giao tiếp, hành vi...của học sinh.

Nghiên cứu được thực hiện dựa trên các phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi. Bên cạnh đó, với phương pháp xử lí số liệu bằng phần mềm SPSS, nghiên cứu đã chỉ ra các kết quả trong phân tích thống kê mô tả và kiểm định mối liên hệ giữa các biến, từ đó giúp nêu bật bức tranh thực trạng tham gia lao động của học sinh dân tộc thiểu số tại hai điểm trường khảo sát. Từ thực trạng đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp để tăng cường hoạt động phòng ngừa lao động trẻ em cho nhóm đối tượng học sinh trong phạm vi trường học, đặc biệt là từ góc độ tiếp cận của công tác xã hội trường học.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Thực trạng tham gia lao động của học sinh

Trong tổng số 200 học sinh tham gia khảo sát, kết quả nghiên cứu chỉ ra có 83 học sinh tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làm việc ít nhất một giờ đồng hồ vào bất kỳ ngày nào trong tuần tham chiếu, ngoại trừ các việc nội trợ gia đình và các việc trong nhà trường (chiếm 41,5%). Kết quả kiểm định Chi-square chỉ ra mối tương quan giữa thực trạng học sinh tham gia lao động với các đặc điểm về độ tuổi, giới tính, trường, mức sống hộ gia đình và trình độ học vấn của cha mẹ học sinh với hệ số tương quan lần lượt là: 0,000; 0,002; 0,015; 0,001; 0,000 (Bảng 1):

Bảng 1. Thực trạng học sinh tham gia các hoạt động lao động theo đặc điểm nhân khẩu (N=200)

Đặc điểm	Có tham gia (n=83)	Không tham gia (n=117)	χ^2
Độ tuổi			
11 tuổi- dưới 13 tuổi	24 (28,9)	64 (54,7)	13,102***
Đủ 13 tuổi – dưới 15 tuổi	59 (71,1)	53 (45,3)	
Giới			
Nam	49 (59,0%)	43 (36,8)	9,707**
Nữ	34 (41,0)	74 (63,2)	

Trường			
THCS Thị trấn Mường Tè	33 (39,8)	67 (57,3)	5,952*
THCS xã Nậm Khao	50 (60,2)	50 (42,7)	
Mức sống hộ gia đình			
Nghèo, cận nghèo, trung bình	81 (97,6)	95 (81,2)	12,357**
Khá giả	2 (2,4)	22 (18,8)	
Trình độ học vấn cao nhất của cha mẹ			
Không đi học hoặc học hết tiểu học và học hết THCS	57 (68,7)	49 (41,9)	13,994***
Học hết THPT và từ THPT trở lên	26 (31,3)	68 (58,1)	

Mức ý nghĩa: * $P < 0,05$; ** $P < 0,01$; *** $P < 0,001$

(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2024)

Kết quả Bảng 1 cho thấy, xét về độ tuổi, học sinh tham gia lao động trong độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi chiếm tỉ trọng lớn hơn (chiếm 71,1%); học sinh nam tham gia lao động (chiếm 59,0%) nhiều hơn học sinh nữ (chiếm 41,0%). So với học sinh trường THCS thị trấn Mường Tè, học sinh trường THCS xã Nậm Khao (địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hơn) phải tham gia các hoạt động lao động nhiều hơn, chiếm 60,2%.

Bên cạnh đó, những học sinh trong các hộ gia đình nghèo, cận nghèo và trung bình tham gia lao động chiếm tỉ lệ đa số (97,6%), trong khi chỉ có 2,4% học sinh thuộc các hộ gia đình khá giả phải tham gia lao động. Trong tổng số 83 học sinh tham gia lao động, phần lớn là những học sinh thuộc gia đình cha mẹ không đi học hoặc học hết tiểu học và học hết THCS với tỉ lệ là 68,7%. Kết quả này cũng có sự tương đồng với các nghiên cứu trước đó khi cho thấy tỉ lệ trẻ em tham gia lao động nhiều hơn số giờ quy định theo độ tuổi có tương quan thuận với mức sống và trình độ học vấn của cha mẹ.

Với những học sinh tham gia lao động, thực trạng về thời gian lao động, loại công việc cụ thể, điều kiện làm việc, lí do, cảm nhận của học sinh khi tham gia lao động và ảnh hưởng của việc tham gia lao động đối với chính bản thân học sinh được chỉ rõ thông qua các kết quả nghiên cứu cụ thể dưới đây:

* Thời gian lao động

Trong tổng số 83 học sinh tham gia lao động, có 74 học sinh làm việc dưới 4 giờ một ngày và dưới 20 giờ một tuần và có 9 học sinh phải làm việc trên 4 giờ một ngày và trên 20 giờ một tuần, làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, ảnh hưởng đến việc học. Từ dữ liệu khảo sát, có thể nhận diện 9 trường hợp học sinh có dấu hiệu vi phạm lao động trẻ em về thời gian làm việc tương ứng với độ tuổi, căn cứ dựa trên quy định của pháp luật.

* Loại công việc tham gia

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra những loại công việc cụ thể mà học sinh tham gia lao động. Trong số 83 học sinh tham gia lao động, chủ yếu các em tham gia hỗ trợ các công việc nông nghiệp như làm cỏ, trồng, thu hoạch nông sản sạch, chăn thả gia súc, chiếm 67,5%. Bên cạnh đó, các em cũng phải tham gia một số công việc như trồng, chăm sóc, thu nhặt sản phẩm từ rừng (chiếm 6,0%); tham gia các công việc truyền thống không dùng hóa chất, tham gia nghệ thuật, thể dục thể thao chiếm 20,5%, còn lại là những công việc khác không xác định chiếm 2,5%.

Kết quả kiểm định Chi-square không cho thấy sự tương quan giữa loại công việc mà học sinh tham gia với độ tuổi của các em nhưng giúp nhận diện được rõ hơn những trường hợp có dấu hiệu vi phạm tiêu chí nhận diện lao động trẻ em về loại công việc. Theo đó, có 14 trường hợp học sinh từ đủ 11- dưới 13 tuổi phải tham gia các công việc làm cỏ, thu hoạch rau củ, chăn thả gia

súc, nghề truyền thống, thủ công, đan lát; có 5 trường hợp học sinh từ đủ 11 tuổi đến dưới 15 tuổi phải tham gia trồng rừng, chăm sóc, thu nhặt sản phẩm từ rừng, tức là những trường hợp này có dấu hiệu vi phạm lao động trẻ em về loại hình công việc theo quy định của pháp luật.

** Điều kiện, môi trường làm việc*

Khảo sát về môi trường làm việc của các em, trong tổng số 83 học sinh tham gia lao động, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra có 18 trường hợp học sinh phải làm việc dưới điều kiện thời tiết quá nóng hoặc quá lạnh; làm việc tại nơi có địa hình đồi núi dốc trên 30 độ; có 65 học sinh làm việc trong điều kiện môi trường làm việc bình thường không có các yếu tố nguy hiểm, độc hại. Như vậy, căn cứ vào kết quả khảo sát của đề tài và căn cứ vào dấu hiệu nhận diện vi phạm lao động trẻ em dựa trên những quy định của pháp luật, có thể nhận diện 18 trường hợp học sinh tham gia lao động có dấu hiệu vi phạm lao động trẻ em về điều kiện làm việc. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy có sự tương quan giữa độ tuổi, đặc điểm giới tính của học sinh và môi trường công việc mà các em tham gia với hệ số sig lần lượt là 0,014 và 0,018 (Bảng 2):

Bảng 2. Điều kiện làm việc theo đặc điểm giới tính học sinh (N=83)

Đặc điểm	Điều kiện làm việc		χ^2
	<i>Làm việc dưới điều kiện thời tiết quá nóng hoặc quá lạnh; địa hình đồi núi cao, dốc (n= 18)</i>	<i>Môi trường làm việc bình thường không có những đặc điểm trên (n=65)</i>	
Độ tuổi			
Từ đủ 11- dưới 13 tuổi	1 (4,2%)	23 (95,8)	6,102*
Từ đủ 13 đến dưới 15 tuổi	17 (28,8)	42 (71,2)	
Giới tính			
Nam	15 (30,6)	34 (69,4)	5,611*
Nữ	3 (8,8)	31 (91,2)	

Mức ý nghĩa: * $P < 0,05$; ** $P < 0,01$; *** $P < 0,001$

(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2024)

Kết quả Bảng 2 cho thấy, hầu hết học sinh phải làm việc trong môi trường lao động mà điều kiện thời tiết quá nóng hoặc quá lạnh, làm việc nơi có độ dốc cao là các em trong độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi và là trẻ em nam. Như vậy kết quả của nghiên cứu cũng cho thấy sự tương đồng với các kết quả nghiên cứu trước đó khi chỉ ra trẻ em nam thường làm việc trong các môi trường nguy hiểm, khắc nghiệt, nặng nhọc nhiều hơn học sinh nữ và học sinh lớn tuổi hơn có xu hướng làm việc ở các điều kiện môi trường khó khăn hơn.

Như vậy, kết quả khảo sát thực trạng tham gia lao động ở học sinh tại địa bàn nghiên cứu cho thấy: Trong tổng số 200 học sinh tham gia khảo sát, có 83 học sinh tham gia lao động, trong đó có những trường hợp có dấu hiệu vi phạm lao động trẻ em về thời gian làm việc, loại công việc, điều kiện môi trường làm việc trong quá trình tham gia lao động. Tuy nhiên, kết quả này mới chỉ là sự đánh giá chủ quan xuất phát từ năng lực nhận thức còn những hạn chế nhất định của chính bản thân học sinh nên chưa thể khẳng định đây là những trường hợp lao động trẻ em khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường. Để có thể nhận diện chính xác các trường hợp này có phải là lao động trẻ em hay không cần có sự phối kết hợp chặt chẽ của các bên trong quá trình điều tra, khảo sát như gia đình, các hộ kinh doanh hay các đơn vị sử dụng lao động, đại diện của chính quyền đoàn thể tại địa phương, đại diện của các cơ quan, cán bộ bảo vệ trẻ em...Chính vì vậy, dưới góc độ tiếp cận của nghiên cứu, những trường hợp này được xem xét là có dấu hiệu vi phạm lao động trẻ em dựa trên những quy định của pháp luật. Và đó cũng chính là những cảnh báo cho

những trường hợp có nguy cơ cao trở thành lao động trẻ em ngay khi các em còn đang ngồi trên ghế nhà trường, cần thiết phải có sự tác động kịp thời của các hoạt động phòng ngừa tại trường học, đặc biệt là từ góc độ tiếp cận của công tác xã hội trường học.

2.2.2. Lí do, cảm nhận và ảnh hưởng của các công việc mà học sinh tham gia:

* Lí do tham gia lao động của học sinh

Khảo sát về lí do tham gia lao động, trong số 83 học sinh tham gia lao động, có 33,7% học sinh phải tham gia các hoạt động lao động là để hỗ trợ sản xuất gia đình, 39,8% học sinh phải tham gia hỗ trợ kinh tế, tăng thêm thu nhập cho gia đình và có 26,5% học sinh tự nguyện tham gia các hoạt động lao động với mong muốn được học nghề, tạo thu nhập cho bản thân. Kết quả nghiên cứu của đề tài cũng chỉ ra mối tương quan giữa lí do học sinh tham gia các hoạt động lao động với đặc điểm giới tính của học sinh với hệ số tương quan $\text{sig}=0,033$ (Bảng 3):

**Bảng 3. Lí do tham gia lao động của học sinh
theo đặc điểm giới tính và giữa các trường (N=83)**

Giới tính	Phải tham gia hỗ trợ sản xuất của hộ gia đình (n= 28)	Phải tham gia hỗ trợ kinh tế gia đình (n=33)	Tạo thu nhập cho bản thân và học nghề (n=22)	χ^2
Nam	11 (22,4)	23 (46,9)	15 (30,6)	6.828*
Nữ	17 (50,0)	10 (29,4)	7 (20,6)	

Mức ý nghĩa: * $P < 0,05$; ** $P < 0,01$; *** $P < 0,001$

(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2024)

Theo đó, cả học sinh nam và học sinh nữ phải tham gia lao động chủ yếu để hỗ trợ sản xuất và kinh tế hộ gia đình. Học sinh nam phải tham gia các công việc lao động chủ yếu với lí do hỗ trợ kinh tế cho gia đình (chiếm 46,9%), trong khi học sinh nữ chủ yếu phải lao động với mục đích chính là tham gia vào quá trình sản xuất của hộ (chiếm 50,0%). Một bộ phận nhỏ hơn học sinh của các trường tự nguyện tham gia lao động với mục đích tạo thu nhập cho bản thân và học nghề.

* Cảm nhận và ảnh hưởng của việc tham gia lao động đối với học sinh

Kết quả khảo sát chỉ ra có 36,1% học sinh cảm thấy các công việc lao động vất vả, quá sức, môi trường làm việc nguy hiểm, khắc nghiệt; 31,3% học sinh cảm thấy gò bó, bức bối và hạn chế thời gian cho các hoạt động học tập, vui chơi, giải trí khác. Như vậy, cảm nhận chủ yếu của các em khi tham gia lao động là cảm thấy công việc vất vả, quá sức, môi trường làm việc nguy hiểm, khắc nghiệt, bức bối, gò bó, hạn chế thời gian tham gia các hoạt động học tập, vui chơi, giải trí (chiếm 67,5%).

Việc tham gia lao động cũng có những ảnh hưởng nhất định đến sức khỏe của học sinh. Theo kết quả khảo sát đề tài, trong tổng số 83 học sinh tham gia lao động, số học sinh gặp phải các vấn đề về sức khỏe chiếm 62,7%, trong đó có 28,9% học sinh gặp phải các vấn đề về sức khỏe như bị thương, trật khớp, bong gân, bầm tím; 20,5% học sinh gặp các vấn đề về hô hấp, 13,3% học sinh bị các bệnh về mắt, da, tai, đường ruột; còn lại 37,3% học sinh đánh giá không có ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe.

Bảng 4. Công việc lao động ảnh hưởng đến sức khỏe học sinh theo đặc điểm độ tuổi (N=83)

Tuổi	Có vấn đề về sức khỏe	Không ảnh hưởng đến sức khỏe	χ^2
Từ đủ 11 – dưới 13 tuổi	19 (79,2%)	5 (20,8%)	3,936*
Từ đủ 13 – dưới 15 tuổi	33 (55,9%)	26 (44,1)	

Mức ý nghĩa: * $P < 0,05$; ** $P < 0,01$; *** $P < 0,001$;

(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2024)

Kiểm định Chi-square cũng cho thấy có mối tương quan giữa vấn đề sức khỏe của học sinh với biến độ tuổi ($\text{sig}=0,047<0,05$).

Kết quả Bảng 4 cho thấy, học sinh từ 11 tuổi đến dưới 15 tuổi khi phải tham gia lao động đều có nguy cơ cao gặp phải những vấn đề về sức khỏe. Trong tổng số học sinh từ đủ 11 tuổi đến dưới 13 tuổi tham gia lao động, tỉ lệ học sinh gặp các vấn đề sức khỏe như trật khớp, bong gân, hô hấp, các bệnh về da, tai, mắt.... chiếm 79,2%, trong khi tỉ lệ này ở học sinh từ độ tuổi đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi chiếm 55,9%.

Bên cạnh những vấn đề sức khỏe, trong quá trình tham gia lao động, học sinh cũng phải đối diện với những vấn đề khó khăn khác về mặt nhận thức, tâm lí và hành vi như mệt mỏi, chán nản, khó tập trung, suy giảm khả năng tiếp thu chiếm tỉ lệ 45,8%; khó khăn trong học tập, giao tiếp xã hội và các hoạt động khác chiếm 44,6%; dễ tức giận, lo âu, thiếu tự tin, không tin tưởng vào bản thân chiếm 9,6%. Kiểm định Chi-square cũng cho thấy có mối tương quan giữa những ảnh hưởng của công việc đến nhận thức, tâm lí hành vi của học sinh với biến độ tuổi ($\text{sig}=0,036<0,05$) (Bảng 5):

Bảng 5. Công việc lao động ảnh hưởng đến nhận thức, tâm lí, hành vi theo đặc điểm độ tuổi của học sinh (N=83)

Tuổi	Mệt mỏi, chán nản, khó tập trung, giảm khả năng tiếp thu	Dễ cáu giận, lo âu, thiếu tin tưởng vào bản thân	Khó khăn trong giao tiếp, học tập, hạn chế hoạt động khác	χ^2
Từ đủ 11 – dưới 13 tuổi	7 (29,2%)	5 (20,8%)	12 (50,5%)	6,649*
Từ đủ 13 – dưới 15 tuổi	31 (52,5%)	3 (5,1%)	25 (42,4%)	

Mức ý nghĩa: * $P < 0,05$; ** $P < 0,01$; *** $P < 0,001$

(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2024)

Kết quả Bảng 5 chỉ ra, phần lớn học sinh từ 11 tuổi đến dưới 15 tuổi sẽ cảm thấy mệt mỏi, chán nản, khó tập trung, giảm khả năng tiếp thu, khó khăn trong giao tiếp, học tập và hạn chế tham gia các hoạt động khác khi phải tham gia các hoạt động lao động (chiếm tỉ lệ 79,7% với học sinh từ đủ 11 đến dưới 13 tuổi và 96,9% với học sinh từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi, một bộ phận nhỏ hơn các em cảm thấy dễ cáu giận, lo âu, thiếu tin tưởng vào bản thân, tuy nhiên với mỗi độ tuổi, biểu hiện khó khăn trong học tập, tâm lí, hành vi có sự khác nhau. Với học sinh từ đủ 11 tuổi đến dưới 13 tuổi, các em gặp khó khăn nhiều hơn trong giao tiếp, học tập và bị hạn chế tham gia các hoạt động khác (chiếm 50,5%), với học sinh từ đủ 13 đến dưới 15 tuổi, các em hay cảm thấy mệt mỏi, chán nản, khó tập trung, giảm khả năng tiếp thu (chiếm 52,5%).

Như vậy, kết quả khảo sát về lí do, cảm nhận và ảnh hưởng của việc tham gia lao động ở học sinh cho thấy: Đa số học sinh tham gia lao động vì phải hỗ trợ sản xuất và kinh tế gia đình. Cảm nhận chủ yếu của các em khi tham gia lao động là cảm thấy công việc vất vả, quá sức, môi trường làm việc nguy hiểm, khắc nghiệt, bức bối, gò bó. Và các hoạt động lao động này đã gây ra những hệ lụy về sức khỏe, tâm lí, nhận thức, hành vi và hạn chế thời gian cho các hoạt động học tập, vui chơi, giải trí khác của học sinh. Rõ ràng, với các công việc lao động mà trẻ tham gia, có thể chưa có các dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật về thời gian, loại công việc, điều kiện và môi trường làm việc tương ứng độ tuổi song những hậu quả của nó để lại đối với bản thân trẻ lại rất nghiêm trọng. Chính vì vậy, dưới góc độ tiếp cận của nghiên cứu, ngay từ khi học sinh có những dấu hiệu ảnh hưởng tiêu cực về sức khỏe, học tập, nhận thức, tâm lí, hành vi trong quá trình tham gia lao động, đã cần thiết phải có những hoạt động phòng ngừa của nhà trường, đặc biệt là những hỗ trợ từ góc độ tiếp cận của công tác xã hội trong trường học, qua đó giúp giữ chân học sinh ở lại trường học và ngăn ngừa nguy cơ các em phải trở thành lao động trẻ em.

2.4. Bàn luận

Với những nội dung trên, bài viết đã góp thêm những dữ liệu mô tả thực trạng tham gia các hoạt động lao động của học sinh dân tộc thiểu số tại một số trường THCS thuộc huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Nội dung bài viết cũng tập trung phân tích lí do, cảm nhận của học sinh khi tham gia lao động và ảnh hưởng của công việc lao động đến sức khỏe, tâm lí, nhận thức, hành vi... của học sinh. Trước thực trạng và những hệ lụy đó, cần thiết phải đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa công tác phòng ngừa lao động trẻ em trong nhà trường để có thể giảm thiểu tối đa nguy cơ học sinh trở thành lao động trẻ em ngay khi còn đang đi học. Chính vì vậy, bài viết cũng gợi mở một số giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa lao động trẻ em trong trường học, đặc biệt là từ góc độ tiếp cận của công tác xã hội trường học trong phòng ngừa lao động trẻ em cho học sinh.

Thứ nhất: Nâng cao vai trò, trách nhiệm, đổi mới chiến lược của nhà trường trong công tác phòng ngừa lao động trẻ em

Tăng cường vai trò, trách nhiệm, đổi mới chiến lược của nhà trường trong công tác phòng ngừa lao động trẻ em giúp đáp ứng tốt hơn việc phát triển công tác xã hội trong ngành giáo dục đồng thời để phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp kịp thời những vấn đề nảy sinh trong trường học và kịp thời khắc phục những hạn chế trong việc triển khai các hoạt động công tác xã hội trong phòng ngừa lao động trẻ em tại trường học, đặc biệt là tại các điểm trường miền núi còn nhiều khó khăn, nơi có nhiều học sinh phải tham gia lao động khi còn đang đi học và có nhiều nguy cơ vi phạm lao động trẻ em trong quá trình tham gia lao động.

Thứ hai: Nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, giáo viên triển khai hoạt động công tác xã hội trong phòng ngừa lao động trẻ em

Đội ngũ cán bộ, giáo viên triển khai các hoạt động công tác xã hội trong trường học có vai trò chủ chốt trong công tác giáo dục, phòng ngừa lao động trẻ em cho học sinh. Chính vì vậy, các nhà trường cần có những chiến lược tăng cường các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao kiến thức và kỹ năng cho cán bộ về công tác xã hội, công tác xã hội nhóm, phòng ngừa lao động trẻ em. Hoạt động này sẽ góp phần thúc đẩy hiệu quả của các hoạt động phòng ngừa lao động tại trường học.

Thứ ba: Đổi mới nội dung, phương thức thực hiện các hoạt động công tác xã hội trong phòng ngừa lao động trẻ em tại trường học

Đổi mới nội dung, phương thức thực hiện các hoạt động công tác xã hội trong phòng ngừa lao động trẻ em sẽ giúp các trường tập trung vào những vấn đề phòng ngừa cốt lõi hướng đến nhóm đối tượng học sinh và các nhóm đối tượng khác có liên quan (thầy cô giáo, gia đình, cộng đồng...) trong công tác phòng ngừa lao động trẻ em với các phương pháp phòng ngừa linh hoạt và hiệu quả, qua đó giúp nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác phòng ngừa lao động trẻ em tại trường học.

Thứ tư: Nâng cao nhận thức, tăng cường kỹ năng cho học sinh về phòng ngừa lao động trẻ em

Học sinh chính là đối tượng đích trong công tác phòng ngừa lao động trẻ em tại trường học, chính vì vậy để việc phòng ngừa đạt hiệu quả cao nhất, bản thân trẻ cũng cần phải chủ động trong việc nâng cao nhận thức, tăng cường kỹ năng phòng ngừa lao động trẻ em bên cạnh sự hỗ trợ của thầy cô giáo, gia đình... Giải pháp này giúp học sinh được tăng cường kiến thức, kỹ năng phòng ngừa lao động trẻ em một cách chủ động và toàn diện hơn, điều này là đặc biệt quan trọng đối với những học sinh tại các địa bàn miền núi có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và có nguy cơ cao trở thành lao động trẻ em.

Thứ năm: Tăng cường nguồn lực gia đình, chính quyền, cộng đồng trong công tác phòng ngừa lao động trẻ em

Gia đình giữ vai trò quan trọng hàng đầu trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Chính vì vậy việc thực hiện chăm sóc, bảo vệ trẻ em, giáo dục trẻ em về lao động trẻ em và phòng ngừa

lao động trẻ em nói riêng và phòng ngừa những vấn đề khó khăn khác mà trẻ có nguy cơ gặp phải nói chung cần được mỗi gia đình thực hiện từ sớm. Mặt khác, chính quyền, cộng đồng cũng có những ảnh hưởng nhất định đến công tác phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em. Chính vì vậy, thực hiện giải pháp sẽ giúp tăng cường hơn nữa nguồn lực gia đình, chính quyền, cộng đồng, qua đó giúp nâng cao hiệu quả của công tác phòng ngừa lao động trẻ em cho học sinh.

3. Kết luận

Bài viết đã tập trung nghiên cứu và chỉ ra những nội dung đáng quan tâm về thực trạng tham gia lao động của học sinh dân tộc thiểu số. Trong số những học sinh tham gia lao động có một số trường hợp có dấu hiệu vi phạm lao động trẻ em về thời gian làm việc, loại công việc, điều kiện môi trường làm việc trong quá trình tham gia lao động. Tuy nhiên, trong phạm vi trường học và dưới góc độ tiếp cận của nghiên cứu, những trường hợp này được xem xét là có dấu hiệu vi phạm lao động trẻ em dựa trên những quy định của pháp luật vì chưa có sự phối kết hợp chặt chẽ của các bên trong quá trình điều tra khảo sát như gia đình, các hộ kinh doanh hay các đơn vị sử dụng lao động, đại diện của chính quyền đoàn thể tại địa phương, đại diện của các cơ quan, cán bộ bảo vệ trẻ em... Đây cũng chính là một hạn chế trong quá trình khảo sát thực trạng tham gia lao động của học sinh dân tộc thiểu số tại địa bàn nghiên cứu. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra lí do, cảm nhận của học sinh khi tham gia lao động và ảnh hưởng của công việc lao động đến sức khỏe, tâm lí, nhận thức, hành vi... của học sinh. Kết quả khảo sát về lí do, cảm nhận và ảnh hưởng của việc tham gia lao động ở học sinh cho thấy: Đa số học sinh tham gia lao động vì phải hỗ trợ sản xuất và kinh tế gia đình. Cảm nhận chủ yếu của các em khi tham gia lao động là cảm thấy công việc vất vả, quá sức, môi trường làm việc nguy hiểm, khắc nghiệt, bức bối, gò bó. Và các hoạt động lao động này đã gây ra những hệ lụy về sức khỏe, tâm lí, nhận thức, hành vi và hạn chế thời gian cho các hoạt động học tập, vui chơi, giải trí khác của học sinh. Trước những thực trạng và ảnh hưởng đó, bài viết cũng gợi mở những giải pháp để có thể nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động phòng ngừa lao động trẻ em cho học sinh, đặc biệt là từ góc độ tiếp cận của công tác xã hội trường học.

***Lời cảm ơn:** Bài báo là sản phẩm của đề tài “Hoạt động công tác xã hội trường học trong phòng ngừa lao động trẻ em cho học sinh dân tộc thiểu số tại huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu”, mã số SPHN 24-23, 2024 – 2025 do TS Hoàng Thị Hải Yến làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] NH Thương, ND Cường, NTT Mai, NTA Nguyệt, ĐNT Phương & PTT Thúy, (2020). *Công tác xã hội với trẻ em*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Quốc Hội, (2016). *Luật trẻ em số 102/2016/QH13*, ban hành ngày 05 tháng 04 năm 2016, Hà Nội.
- [3] ILO, (2008). *Report of the Conference*. Geneva: ILO.
- [4] ILO and Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam, (2018). *Khảo sát lao động trẻ em quốc gia Việt Nam 2018, những phát hiện chính*. Hà Nội, Việt Nam.
- [5] ILO, (2020). *Tài liệu hướng dẫn cho giảng viên khóa tập huấn doanh nghiệp về phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em*. Hà Nội, Việt Nam.
- [6] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, (2019). *Hướng dẫn sử dụng tài liệu tập huấn về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em*.
- [7] ILO and UNICEF, (2021). *International Labour Office and United Nations Children's Fund, Child Labour: Global estimates 2020, trends and the road forward*. New York.

- [8] Tổng cục Thống kê Việt Nam, UNICEF, (2021). *Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2020 - 2021. Báo cáo kết quả điều tra.* 2021.
- [9] Hương LT & Ross H, (2015). The impact of child labor on children's educational performance: Evidence from rural Vietnam. *Journal of Asian Economics*, 36, 1-13.
- [10] Eric E, Carrie T, (2002). *Child labor in transition in Vietnam.* Policy research working paper 2774: World Bank.
- [11] Panos M, (2011). *The impact of child labour on educational attainment: evidence from Vietnam.* Young Lives Student Paper, the University of Oxford.
- [12] GT Long, NV Tuong & NT Dang, (2021). Child labor in Vietnam: Issues and policy implications. *Children and Youth Services Review*, Elsevier, 130(C). DOI:10.1016/j.childyouth.2021.106222.
- [13] Hulliger B & Thu NTH, (2019). Modelling the choice of Vietnamese adolescents between school and work. *Journal of Education and Work*, 32 (6-7), 598-613.
- [14] NH Hữu, (2018). Tổng quan về tình hình và chính sách đối với lao động trẻ em và trẻ em bị mua bán, xâm hại. *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Dịch vụ Công tác xã hội với lao động trẻ em và trẻ em bị mua bán, xâm hại.* NXB Lao động xã hội, 11-22.
- [15] ĐV Trường, (2018). Vai trò của An sinh xã hội đối với trẻ em lao động sớm (Nghiên cứu trường hợp tại thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá). *Kỷ yếu hội thảo Quốc tế: Dịch vụ công tác xã hội với lao động trẻ em và trẻ em bị mua bán, xâm hại.* NXB Lao động xã hội, Hà Nội, 75-82.
- [16] Bjerne G, (2001). *What can be done about child labor? An overview of recent research and its implications for designing programs to reduce child labor.* Social Protection Discussion Paper Series 0124: World Bank.
- [17] Understanding Children's Work Programme, (2015). *Understanding children's work in Vietnam. Report on child labour.*
- [18] Thao VT, (2013). Making a living in rural Vietnam from (im) mobile livelihoods: A case of women's migration. *Population Space and Place*, 19(1), 87-102. DOI:10.1002/psp.1706
- [19] Cuong NV, Marrit VDB & Robert L, (2011). The impact of work and non-work migration on household welfare, poverty and inequality: New evidence from Vietnam. *Economics of Transition*, 19(4), 771–799. DOI: 10.1111/j.1468-0351.2011.00416.x.
- [20] Jones N, E. Presler-Marshall E & DB Thuy, (2014). *Falling between the cracks: How poverty and migration are resulting in inadequate care for children living in Viet Nam's Mekong Delta.* Overseas Development Institute.